UBND TỈNH NGHỆ AN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số : /SNN.ĐA *Nghệ An, ngày tháng 11 năm 2016*

**ĐỀ ÁN**

**TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ XUÂN 2017**

# Phần thứ nhất

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2016

**I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2016 *(kèm theo phụ lục 01)***

**1.1. Kết quả đạt được**

Sản xuất Vụ Xuân 2016 đầu vụ chịu ảnh hưởng của đợt rét kỷ lục đã làm hàng chục ngàn ha cây trồng bị ảnh hưởng, nhiều diện mạ, lúa bị chết. Tuy nhiên nhờ có sự quan tâm chỉ đạocủa Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự vào cuộc có hiệu quả của cả hệ thống chính trị đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn bà con nông dân khắc phục có hiệu quả thiệt hại do rét gây ra. Nhờ vậy sản xuất vụ Xuân 2016 đã dành được kết quả khá toàn diện; Cụ thể:

- Về diện tích một số cây trồng vượt kế hoạch đề ra: Cây lúa: 91.501,2 ha/KH 86.000 ha, tăng 7,65%; Rau các loại: 11.371,5 ha, tăng 13,72 %; Cây sắn:11.130 ha/kế hoạch 7.000 ha tăng 59,00%; Cây mía trồng mới và trồng lại: 8.457,5 ha/ kế hoạch 7.000 ha tăng 20,82 %;

- Về năng suất: Lúa đạt 65,69 tạ/ha, đạt 100,06% so với kế hoạch; Ngô 47,74 tạ/ha, tăng 4,92 %; Cây lạc đạt 25,72 tạ/ha, tăngv7,17 % ; Cây rau các loại 157,22 tạ/ha, tăng 4,81 %; Cây đậu là 10,76 tạ/ha, tăng 34,50 %;

- Về Sản lượng: Một số cây trồngvượt so với kế hoạchvvà tăng so với vụ Xuân 2015 như: Lúađạt 601.117,1 tấn, tăng 7,73% so với kế hoạch, so vụ xuân 2015 tăng 31.418,1 tấn; Ngô đạt 86.467,5 tấn, đạt 100,02 % KH và tăng hơn vụ xuân 2015 là 16.542,5 tấn; Cây rau các loạivđạt 178.787,8 tấn, đạt 119,19 % KH và tăng so vụ Xuân 2015 là 15.521,8 tấn.

- Cơ cấu giống có bước chuyển biến mạnh mẽ đặc biệt là bộ giống lúa có chất lượng, thời gian sinh trưởng ngắn đạt khoảng từ 22.000 – 23.000 ha, chiếm 24,75% diện tích lúa toàn tỉnh. Kỹ thuậtthâm canh lúa cải tiến SRI được các địa phương quan tâm và chỉ đạo áp dụng vào sản xuất theo hướng mở rộng (diện tích ứng dụng SRI hàng năm ước tính khoảng 9.000 – 10.000 ha), …

 - Kết quả tưới vụ Xuân 2016 *(Theo báo cáo của Chi cục Thủy lợi)*: Tổng diện tích tưới trong vụ Xuân đạt 100% so kế hoạch, với diện tích tưới là 115.512,5ha. Trong đó:Lúa: 85.988,9 ha; Rau, màu, mạ: 9.141,1 ha; Tạo nguồn nước tưới: 16.579 ha/KH: 16.579 ha; Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản: 3.119,4 ha; Cấp nước làm muối: 684,10 ha.

- Về xây dựng các mô hình sản xuất tập trung: Trong vụ Xuân 2016 toàn tỉnh đã thực hiện được27 mô hình cánh đồng lớn, trong đó:

+ Cây lúa: 24 mô hình với tổng diện tích 1.015 ha tại 08 huyện (Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Yên Thành, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn và Thành phố Vinh). Các giống lúa sử dụng trên “Cánh đồng lớn” chủ yếu là các giống lúa chất lượng như AC5, NA2, Thái xuyên 111, Thiên ưu 8, ,…với năng suất bình quân đạt từ 67 – 74 tạ/ha, lợi nhuận thu được tăng từ 7 – 10%.

+ Cây lạc: 02 mô hình tại huyện Nghi Lộc tổng diện tích gieo trồng là 20ha, năng suất đạt 35,0 tạ/ha.

+ Cây rau: 01 mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Quỳnh Lưu với diện tích 10 ha, năng suất 200,0 tạ/ha.

**1.2. Tồn tại, hạn chế**

- Diện tích một số cây trồng ngắn ngày, cây công nghiệp dài ngày chưa đạt so với kế hoạch đề ra:

+ Cây ngô: Diện tích 18.112,8 ha đạt 90,56 % so với kế hoạch;

+ Cây lạc: Diện tích đạt 13.442,5 ha, đạt 89,62% so với kế hoạch;

+ Cây Đậu các loại: Diện tích đạt 869,7 ha, đạt 43,50 % so với kế hoạch;

+ Cây chè: Trồng mới được 411,5 ha/kế hoạch cả năm 500 ha (đạt 82,30 %);

+ Cây lạc: Sản lượng là 34.579,7 tấn, đạt 96,05 % so với kế hoạch đề ra;

+ Cây đậu các loại: Sản lượng là 936,3 tấn, đạt 58,52 % so với kế hoạch.

 - Vụ Xuân 2016 chịu ảnh hưởng của đợt rét đậm, rét hại từ ngày 22 – 28/1/2016 đã làm nhiều diện tích cây trồng bị thiệt hại: Diện tích mạ bị thiệt hại 482,1 ha, trong đó diện tích bị thiệt hại trên 70% là 423,2 ha. Lúa bị thiệt hại là 21.912,1 ha, trong đó diện tích bị thiệt hại trên 70% là 16.341,2 ha. Ngô, lạc, rau màu bị thiệt hại là 3.972,2 ha, trong đó diện tích bị thiệt hại trên 70% là 2.422,4 ha.

 - Một số nơi chưa thực hiện tốt biện pháp chống rét cho mạ như: phủ nilon, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới,…diện tích gieo thẳng lớn nên khi gặp rét bị ảnh hưởng nặng và chết.

 - Một số giống lúa có năng suất, chất lượng tốt chưa được cung ứng kịp thời phục vụ sản xuất do nguồn nguồn giống còn phụ thuộc vào đơn vị cung ứng.

**1.3. Nguyên nhân**

*a. Nguyên nhân đạt được:*

- Đợt rét đầu vụ làm hàng chục ngàn ha cây trồng và đàn vật nuôi thiệt hại lớn; nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt từ tỉnh đến cơ sở; các giải pháp kỹ thuật đưa ra sát đúng, chúng ta đã khôi phục sản xuất đạt kết quả cao: Cơ bản các cây trồng vụ Xuân đều đạt kết hoạch, đàn vật nuôi được khôi phục nhanh;

- Công tác cung cấp nước tưới tiêu được đảm bảo, bà con tích cực chăm sóc cùng với thời tiết cuối vụ tương đối thuận thợi nên cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt đã làm tăng năng suất, sản lượng cây trồng;

- Công tác dự tính, dự báo và tổ chức phòng trừ các loại sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện tốt, kịp thời và hiệu quả nên đã hạn chế được thiệt hại do sâu bệnh gây ra;

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt được đưa vào khảo nghiệm và đã lựa chọn những giống tốt để đưa vào sản xuất;

- Công tác khuyến nông,chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống mới, thuốc BVTV, phân bón, các quy trình sản xuất IPM, SRI, VietGAP,…được áp dụng trên diện rộng;

- Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt bảo vệ thực vật như: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sản xuất, vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV), vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng;

 - Có sự vào cuộc tích cực của các doanh nghiệp trong việc cung ứng kịp thời, đầy đủ các loại vật tư nông nghiệp phục vụ cho nhu cầu sản xuất của bà con nông dân và liên kết sản xuất “cánh đồng mẫu lớn” làm tăng năng suất, chất lượng các loại cây trồng.

*b. Nguyên nhân tồn tại:*

 - Một số địa phương chỉ đạo chưaquyết liệt, một số giải pháp kỹ thuật chưa thực hiện nghiêm túc, cùng với đó đợt rét đầu vụ quá khốc liệt làm nhiều diện tích lúa, ngô lạc và rau màu bị thiệt hại, đồng thời làm ảnh hưởng đến cơ cấu giống, cơ cấu cây trồngở một số địa phương;

 - Một bộ phận nông dân có tư tưởng bảo thủ, chủ quan, xem nhẹ công tác phòng chống rét cho mạ, lúa, không tuân thủ lịch thời vụ theo khuyến cáo, trongphòng trừ dịch bệnh và thiếu điều kiện đầu tư cho phát triển sản xuất nên hiệu quả sản xuất chưa cao;

 - Việc huy động các nguồn lực để đầu tư cho phát triển sản xuất ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt trong việc nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả.

### Phần thứ hai

 **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ TỔ CHỨC**

**SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2017**

**I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

**1.1. Thuận lợi**

- Được cấp uỷ Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm chỉ ðạo; ngoài chính sách của tỉnh, các ðịa phýõng (huyện, xã) cũng có thêm chính sách khuyến khích nông dân sản xuất;

- Ngành nông nghiệp đang tập trung đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành trên tất cả các lĩnh vực, cùng với Chương trình xây dựng nông thôn mới thu được nhiều kết quả vượt bậc tạo đà cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, các Hợp tác xã (HTX) đã hoàn thiệnviệc chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt công tác dịch vụ đầu vào cho sản xuất và tìm kiếm thị trường đầu ra, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân;

- Kết cấu hạ tầng đường giao thông nông thôn, nội đồng và hệ thống kênh mương tưới tiêu,... được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất góp phần tăng năng suất lao động, đẩy nhanh tiến độ gieo trồng;

- Nguồn giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc cơ giới hóa, ... đa dạng phong phú được các đơn vị cung ứng đầy đủ và kịp thời;

- Các quy trình sản xuất tiên tiến SRI, ICM, VietGAP, mô hình cánh đồng lớn, ... đã được thực hiện có hiệu quả cao trong sản xuất giúp người dân tiếp cận để mở rộng sản xuất, nâng năng suất, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm làm tăng giá trị sản xuất;

- Về nước tưới, tuy còn một số vùng một số hồ đập chưa tích đủ nước, nhưng nhìn chung được cải thiệt nhiều so với vụ Xuân 2016;

- Công tác quản lý nhà nước ngày càng được các cấp quan tâm chỉ đạo như: công tác đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, các vấn đề về An toàn thực phẩm, môi trường, quản lý chất lượng vật tư,...

**1.2. Khó khăn**

- Thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường; nguy cơ rét đậm, rét hại, thiếu ánh sáng trong vụ Xuân 2017 vẫn phải được lưu ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế thiệt hại cho đến mức thấp nhất;

- Đầu ra một số mặt hàng nông sản vẫn còn hạn chế, chưa hình thành được nhiều chuỗi liên kết sản xuất khép kín, cánh đồng lớn, sản phẩm chưa có thương hiệu nên giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn còn thấp.

- Nguy cơ sâu bệnh gây hại nhiều, đặc biệt là các đối tượng: Chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh lùn sọc đen...

- Tư tưởng chủ quan, sản xuất dựa vào kinh nghiệm, không tuân thủ quy trình kỹ thuật ở một bộ phận nông dân đã, đang và sẽ gây cản trở cho việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và phòng trừ sâu bệnh vào sản xuất,

- Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp ngày càng già hóa, tư tưởng sản xuất theo hướng tự cung tự cấp gây khó khăn trong sản xuất theo hướng hàng hóa.

- Năng lực của một số cán bộ kỹ thuật còn hạn chế trong chỉ đạo và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho bà con nông dân.

- Một số vật tư phục vụ cho sản xuất chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2017**

**2.1. Phương hướng**

- Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch và điều kiện sản xuất cụ thể của từng vùng để bố trí cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống và thời vụ hợp lý; Tăng cường đầu tư thâm canh một cách toàn diện,làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh hại cây trồng; linh động và quyết liệt trong chỉ đạo sản xuất; khai thác tối đa và phát huy cao mọi nguồn lực để vụ Xuân 2017 đảm bảo sản xuất an toàn, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao;

- Tiếp tục tăng thêm cácliên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân, xây dựng nhiều “Cánh đồng lớn”, mô hình sản xuất an toàn trên các loại cây trồng, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và ổn định sản xuất tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

**2.2. Mục tiêu**

Với mục tiêu phấn đấu của ngành nông nghiệp và PTNT sản lượng lương thực năm 2017 là 1.206.260 tấn. Trong đó, vụ Xuân phải phấn đấu đạt 669.700 tấn lương thực. Cụ thể mục tiêu các cây trồng phấn đấu đạt như sau ***(kèm theo phụ lục 05)***.

***2.2.1. Cây lương thực***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích *(ha)*** | **Năng suất *(tạ/ha)*** | **Sản lượng *(tấn)*** |
| 1 | Cây lúa, trong đó: | 89.000 | 65,53 | 583.250 |
| *1.1* | *Lúa lai* | *45.000* | *68,5* | *308.250* |
| *1.2* | *Lúa thuần* | *44.000* | *62,5* | *275.000* |
| *1.3* | *Lúa chất lượng* | *30.000* | *61,0* | *183.000* |
| 2 | Cây ngô |  |  |  |
| *2.1* | *Ngô lấy hạt* | 19.000 | 45,5 | 86.450 |
| *2.2* | *Ngô thức ăn gia súc* | *3.000* | *300,0* | *90.000* |
| Tổng cộng | 108.000 |   | 669.700 |

***2.2.2. Rau đậu các loại***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại cây trồng** | **Diện tích *(ha)*** | **Năng suất *(tạ/ha)*** | **Sản lượng *(tấn)*** |
| 1 | Rau các loại | 10.000 | 150,0 | 150.000 |
| 2 | Đậu các loại | 1.000 | 8,0 | 800 |

***2.2.3. Cây nguyên liệu, cây công nghiệp ngắn ngày***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại cây trồng | **Diện tích (ha)** | **Năng suất (tạ/ha)** | **Sản lượng (tấn)** |
| 1 | Cây lạc  | 14.000 | 24,0 | 33.600 |
| 2 | Trồng sắn nguyên liệu | 7.000 | 320,0 | 320.000 |
| 3 | Trồng mía nguyên liệu | 7.500 | *Gồm trồng mới và trồng lại* |

 ***2.2.4. Sản xuất giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm***

Chuẩn bị đủ giống đảm bảo chất lượng để phục vụ cho kế hoạch trồng mới năm 2017 gồm 700 ha chè, 555 ha cam, 1.300 ha cao su.

 **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**3.1. Bố trí thời vụ gieo trồng**

***a. Cây lúa*:** Năm 2017 lập Xuân vào ngày 04/02/2017 (tức ngày 08/01/2017 AL) do đó các trà lúa sẽ được cấy tập trung sau tết Nguyên Đán. Trên cơ sở đó, tuỳ thời gian sinh trưởng của từng giống, điều kiện thực tế của địa phương để bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp theo nguyên tắc đảm bảo lúa phân hoá đòng và trổ gặp thời tiết thích hợp. Căn cứ vào thời gian sinh trưởng của từng giống để bố trí lịch gieo mạ, cấy đảm bảo cho lúa Xuân trổ tập trung từ 25/4 - 05/5; Không ra giống quá sớm để tránh lúa làm đòng và trổ gặp rét. Riêng những vùng sản xuất Hè Thu chạy lụt nên bố trí cho lúa Xuân trổ từ 20/4 - 25/4 và chọn giống ngắn ngày. Khung thời vụ bố trí cho các giống về cơ bản được xác định theo thời gian sinh trưởng và phân nhóm theo 03 trà cơ bản sau:

- Trà 1 (sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng từ 140-145 ngày): Gieo mạ từ 05 - 10 tháng 01; cấy từ 31/01-05/02(bắt đầu cấy từ mùng 4/1 âl).

- Trà 2 (sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng từ 130-135 ngày): Gieo mạ từ 15 - 20 tháng 01; cấy từ 06/2-10/02.

- Trà 3 (sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng xung quanh 125 ngày): Gieo mạ từ 20 - 25 tháng 01; cấy từ 10 - 15/02.

 *Đối với vùng Hè Thu chạy lụt để lúa trổ từ 20-25/4, căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống để bố trí ra mạ sớm hơn từ 5 ngày đến 1 tuần, trong đó ưu tiên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng xung quanh 125 ngày, gieo mạ từ 15-20/01.*

***b. Cây ngô:*** Tập trung gieo từ 01/2 đến 28/2.

***c. Cây lạc:*** Tranh thủ đất đủ ẩm, trời ấm để gieo xung quanh tiết lập xuân và kết thúc gieo trước ngày 18/2 và không gieo quá sớm. Riêng các vùng trung du, miền núi, vùng đất cao dễ gặp hạn sớm phải gieo trồng sớm hơn để đề phòng gặp nắng hạn cuối vụ.

***d. Rau các loại*:** Tranh thủ gieo trồng khi có quỹ đất và điều kiện thời tiết thuận lợi.

***e. Cây mía nguyên liệu:*** Có thể trồng từ tháng 11 năm nay đến hết tháng 3 năm sau, nhưng thời vụ tốt nhất cho cây mía là từ 01/2 đến 15/3.

***f. Cây sắn nguyên liệu:*** Tiến hành trồng từ tháng 01 đến 15/3.

**3.2. Định hướng cơ cấu giống**

***a. Cây lúa:***

- Chỉ đưa vào cơ cấu các giống lúa đã được công nhận chính thức và đã qua khảo nghiệm, làm mô hình có kết quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống lúa vừa có năng suất cao, vừa có chất lượng gạo khá; các giống lúa chất lượng cao làm hàng hóa để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng các giống có chất lượng gạo kém, năng suất thấp, nhiễm sâu bệnh, mẫn cảm với thời tiết, những giống có thời gian sinh trưởng dài.

- Cơ cấu các giống lúa vụ Xuân 2017với các ***giống chủ lực*** sau:

+ Vùng thâm canh mục tiêu năng suất cao, chất lượng gạo khá, sử dụng các giống lúa lai: Nhị ưu 986, Kinh sở ưu 1588,27P31, Khải phong số 1, ZZD 001.

+ Vùng thâm canh theo hướng tăng năng suất, chất lượng gạo khá, sử dụng các giống:

*\* Lúa lai:* Thái xuyên 111, PHB71, BTE1, GS9, Thụy Hương 308, VT404.

*\* Lúa thuần:* Thiên ưu 8, Vật tư - NA2, Gia Lộc 105, GS333, Bắc thơm 9.

+ Vùng thâm canh theo hướng chất lượng gạo cao và sản xuất hàng hóa, sử dụng các giống: Hương thơm số 1, AC5, TBR225, Nếp 87.

Ngoài các giống lúa chủ lực ở trên, tùy điều kiện đặc thù của từng địa phương, từng tiểu vùng sinh thái, UBND các huyện, thành, thị có thể lựa chọn đưa vào cơ cấu các giống lúa có trong ***phụ lục 02***.

***b. Cây ngô***: Các địa phương căn cứ vào đặc điểm tình hình, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục đích sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất. Mỗi địa phương lựa chọn không quá 03 giống ngô lai và 02 giống ngô nếp để cơ cấu và với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt với các giống chủ lực như: DK6919, DK 6818, 30Y87, P4199, NK6654, NK66,LVN14, HN 45, CP888, CP999, VS36, B.06, Pac 339; Các giống ngô nếpMX10, HN68. Ngoài các giống trên có thể lựa chọn các giống ngô có trong ***phụ lục 03****.*

***c. Cây lạc***: Chủ yếu sử dụng các giống Sen Nghệ An, L14, L23, L26, TB25.

**Một số yêu cầu và lưu ý trong sản xuất vụ xuân 2017**

*- Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương mỗi huyện, thành, thị chỉ nên chọn 02-03 giống lúa lai và 02-03 giống lúa thuần chủ lực; Mỗi xã chỉ nên chọn tối đa 3 giống (trừ những vùng đặc thù). Trên cùng một xứ đồng chỉ gieo cấy 01 hoặc 02 giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu bệnh hại.*

*- Trong cùng một nhóm giống phải xem xét thời gian sinh trưởng cụ thể của từng giống để bố trí hợp lý, giống có thời gian sinh trưởng dài hơn bố trí đầu, giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn bố trí cuối khung thời vụ.*

*- Tập trung chỉ đạo gieo mạ có che phủ nilon 100% diện tích để bảo đảm an toàn. Trong thời gian rét không bón thúc đạm cho mạ, hạn chế tối đa việc gieo thẳng lúa để hạn chế chết rét.*

*- Cấy mạ đúng tuổi (đủ số lá quy định) và không cấy vào những ngày có nhiệt độ thấp (rét đậm, rét hại).*

*- Tiếp tục tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử các giống cây trồng có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt theo đề xuất của các tổ chức, cá nhân và quy định của nhà nước về quản lý giống cây trồng. Các đơn vị khi đưa giống vào khảo nghiệm, sản xuất thử phải có văn bản và chỉ được khảo nghiệm, sản xuất thử khi có sự đồng ý của Sở Nông nghiệp và PTNT và phải báo cáo UBND huyện, thành, thị nơi tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử về địa điểm, quy mô khảo nghiệm. Đồng thời, phải cam kết với các huyện, thành, thị về chất lượng giống và cam kết bảo lãnh với nông dân về năng suất.Căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống đơn vị tổ chức khảo nghiệm, sản xuất thử phải bố trí trong khung thời vụ quy định.*

*- Riêng các giống lúa, ngô có bản quyền, đề nghị UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo nông dân mua giống ở những Doanh nghiệp được cấp bản quyền của giống đó để đảm bảo chất lượng cũng như thuận lợi cho công tác quản lý.*

*- Trong điều kiện đặc thù của địa phương nếu bố trí các giống Xuân sớm thì phải bố trí lịch ra mạ để lúa làm đòng, trổ vào khung thời vụ an toàn.*

**3.3. Công tác Bảo vệ thực vật**

- Tập trung thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo chính xác tình hình phát sinh của dịch hại trên từng loại cây trồng để khuyến cáo, hướng dẫn tập trung chỉ đạo phòng trừ hiệu quả, hạn chế tối đa viêc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

 - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho nông dân và cán bộ cơ sở về quy trình sản xuất, quy trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, các thông tin về dịch hại và biện pháp phòng trừ. Đồng thời phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền hướng dẫn, tổ chức phòng trừ kịp thời có hiệu quả đối với các loại sâu bệnh hại.

- Đẩy mạnh thực hiện và mở rộng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác khuyến nông bảo vệ thực vật như: Quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI); chương trình ba giảm ba tăng (ICM); các mô hình quản lý bền vững sâu bệnh hại cây trồng nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật.

- Thực hiện nghiêm túc Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; các Nghị định, Thông tư, ... về lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhằm đảm bảo kết quả phòng trừ và sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Kiểm tra, phúc tra thủ tục kiểm dịch thực vật đối với các tổ chức cá nhân nhập khẩu và kinh doanh giống cây trồng nhập nội, đồng thời phối hợp với các đơn vị sử dụng giống theo dõi tình hình phát sinh gây hại của các đối tượng sinh vật gây hại lạ, đối tượng kiểm dịch thực vật để kịp thời ngăn chặn không để lây lan.

**3.4. Phân bón**

- Căn cứ vào nhu cầu thâm canh của từng giống và đặc điểm đất đai của từng vùng để xác định lượng phân bón và từng thời kỳ bón phân cho phù hợp; Đảm bảo bón đúng, bón đủ và cân đối các loại dinh dưỡng với mục tiêu thâm canh tăng năng suất.

- Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ bón ngay từ đầu vụ, dùng vôi xử lý đất; Sử dụng các loại phân NPK hàm lượng cao (NPK 16:16:18 để bón lót và NPK giàu Kali như 15:5:20 để bón thúc), bón cân đối lân, kaly, đạm giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với điều kiện bất lợi của ngoại cảnh.

- Chủng loại, liều lượng và phương pháp bón cho từng cây thực hiện theo hướng dẫn trong quy trình thâm canh từng giống, từng loại cây trồng và khuyến cáo của nhà sản xuất.

**3.5. Mật độ**

 - Cần xem xét điều kiện đất đai, khả năng đầu tư thâm canh, khả năng đẻ nhánh của từng giống để bố trí mật độ hợp lý.

- Cây ngô gieo trồng theo hướng tăng mật độ, nhưng chú ý phải kết hợp tăng đầu tư thâm canh và sử dụng các giống phù hợp với trồng dày.

**3.6. Thuỷ lợi**

- Thực hiện tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý vận hành công trình, tuyệt đối tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa nước và trạm bơm.Có kế hoạch phân phối nước hợp lý, áp dụng phương pháp tưới *Nông - Lộ - Phơi* và ưu tiên tưới vào thời kỳ lúa làm đòng - trỗ.

- Có phương án chủ động đối phó khi hạn hán xẩy ra (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa và vùng miền núi). Các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý.

- Đối với các trạm bơm vùng ven biển và vùng gần cửa sông Lam, ven sông Cấm, kênh Hoàng Cần, sông Bùng phải kiểm tra chất lượng nước nghiêm túc, chặt chẽ trước và trong khi vận hành. Chỉ vận hành bơm nước tưới khi nồng độ mặn nguồn nước cho phép (đối với tưới lúa từ thời kỳ đẻ nhánh trở đi độ mặn không được vượt quá 1/1.000; Đối với mạ và lúa non nước phải ngọt hoàn toàn). Các đơn vị cung cấp nguồn nước phải kiểm tra chất lượng nguồn nước thường xuyên và thông báo cho khách hàng.

- Tăng cường các biện pháp tưới tiêu khoa học ;Thực hiện tốt xã hội hóa công tác thủy lợi; Kết hợp biện pháp tưới với các biện pháp khác như tấp tủ, che bóng, ...

- Thực hiện tốt chính sách miễn thuỷ lợi phí theo quy định của nhà nước.

**3.7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước chuyên ngành phục vụ sản xuất**

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư, phân bón,... theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra. Đặc biệt đối với mặt hàng giống cây trồng cần thực hiện tốt một số quy định sau:

- Chỉ sử dụng các giống có trong danh mục cơ cấu theo Đề án tổ chức sản xuất vụ Xuân 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân đưa giống vào khảo nghiệm, sản xuất thử, xây dựng mô hình giống phải thực hiện đúng các quy định theo Pháp lệnh Giống cây trồng và Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quyết định số 67/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009 của UBND tỉnh Nghệ An và các quy định có liên quan; Ngoài ra, phải có bản đăng ký gửi về Sở Nông nghiệp & PTNT trước ngày 15/12/2016 để xem xét, hướng dẫn cụ thể.

- Về phân bón: Các địa phương phối hợp tốt với Sở Công thương để tăng cường công tác quản lý chất lượng các loại phân bón vô cơ, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng các loại phân bón không đảm bảo chất lượng.

**3.8. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật; tăng cường công tác khuyến nông**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đưa các giống mới vào khảo nghiệm, sản xuất thử theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, các quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, sản xuất nông sản rau, quả an toàn theo SRI, IPM, VietGAP.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu khoa học để áp dụng kết quả các công trình nghiên cứu khoa học vào sản xuất, nhất là các công trình chọn lọc, tạo giống cây trồng.

- Lồng ghép các chương trình, dự án khoa học kỹ thuật để xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đồng bộ vào sản xuất.

- Tổng kết và nhân nhanh các mô hình sản xuất đạt năng suất và hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, các biện pháp thâm canh phòng trừ sâu bệnh hại có hiệu quả để nông dân hiểu và thực hiện.

**3.9.Thực hiện tốt chuyển đổi cơ cấu cây trồng và xây dựng các mô hình**

Rà soát, đánh giá lại hiệu quả của công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả cao. Xem xét diện tích hồ đập và các vùng khác nếu không đủ nước tưới cho cả vụ sản xuất thì không gieo cấy lúa, chuyển sang trồng: Ngô, lạc, rau màu và các loại cây trồng khác an toàn, hiệu quả.

**3.10. Tăng cường sự liên doanh, liên kết sản xuất giữa người dân và doanh nghiệp**

Các địa phương căn cứ vào kế hoạch thực hiện cánh đồng lớn của tỉnh, tiêu chí và chính sách tại Quyết định 62/2013/QĐ.TTg ngày 25/10/2013 của Chính Phủ và Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT của Bộ nông nghiệp &PTNT để kêu gọi các doanh nghiệp liên kết ký hợp đồng sản xuất "Cánh đồng lớn" với nông dân.

**3.11. Cơ chế chính sách**

- Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các chính sách khác về hỗ trợ khắc phục thiên tai, phòng trừ dịch bệnh của UBND tỉnh:

+ Nghị Định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

+ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

+ Quyết định số 87/2014/QĐ.UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

+ Quyết định số 5308/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh V/v phê duyệt mức hỗ trợ giống ngô để chuyển đổi trồng lúa sang trồng ngô theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ

+ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2014 về việc sửa đổi bổ sung điều 2 quyết định số 45/2012/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 về việc quy định chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh*.*

- Các địa phương chủ động trích ngân sách địa phương khuyến khích nông dân tăng cường đầu tư phát triển sản xuất.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An và các Ngân hàng đóng trên địa bàn bố trí đủ nguồn vốn và tạo điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ nông dân và các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất theo các chủ trương, chính sách của nhà nước và các nội dung quy định tại Đề án này.

**3.12. Tổ chức thực hiện**

***3.12.1. Sở Nông nghiệp &PTNT***

Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh. Cụ thể:

***\* Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật***:

- Phối hợp với các địa phương chỉ đạo thực hiện tốt Đề án sản xuất vụ Xuân 2017, thường xuyên nắp bắt tình hình, cập nhật tiến độ sản xuất để tham mưu kịp thời các giải pháp chỉđạo sản xuất đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành liên quan và các địa phương để tổ chức triển khai, thực hiện tốt công tác quản lý về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, thuốc BVTV, công tác kiểm dịch thực vật và phân bón phục vụ sản xuất vụ Xuân 2017 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh việc mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm vào sản xuất như: SRI, IPM, VietGAP, …

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lũ, hạn hán, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án tổ chức công tác Bảo vệ thực vật vụ Xuân 2017.

- Cử cán bộ Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp huyện phụ trách cụ thể tại từng xã để phối hợp với các bộ phận chuyên môn của huyện, UBND các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại cây trồng để tham mưu kịp thời các biện pháp phòng trừ.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, hướng dẫn, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu về tác hại của sâu bệnh chính và các biện pháp phòng trừ.

- Lập danh mục các loại thuốc đặc trị phòng trừ một số loại sâu bệnh hại chính để khuyến cáo cho nông dân thực hiện.

***\* Chi cục Thuỷ lợi***:

- Xây dựng phương án tưới tiêu phục vụ sản xuất vụ Xuân 2017, trong đó lưu ý phương án chống hạn, tiêu úng nhất là những vùng trọng điểm; trên cơ sở đó tham mưu cho Sở trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nước để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Đôn đốc để các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương hư hỏng do mưa bão vừa qua để kịp phục vụ sản xuất vụ Xuân.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, xây dựng phương án chống hạn vụ Xuân, tiêu thoát nước kịp thời, nhất là vào thời kỳ cuối vụ khi có lũ tiểu mãn.

**\* *Chi cục Phát triển nông thôn:***

- Tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo các HTX nông nghiệp chuyển đổi theo Luật 2012; đồng thời hướng dẫn để nâng cao năng lực của các HTX, thông qua đó giúp nông dân tổ chức sản xuất có hiệu quả và liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với các địa phương để lựa chọn, xây dựng một số mô hình liên kết giữa tổ chức nông dân (hoặc nông dân) với doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

***\* Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản***

- Tập trung chỉ đạo xây dựng thành công các chuổi cung cấp thực phẩm an toàn để giới thiệu và nhân rộng, giúp sản xuất đạt hiệu quả cao;

 - Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn, nhất là các sản phẩm rau, quả, …

 ***\* Trung tâm Khuyến nông:***

- Cử cán bộ kỹ thuật của Trung tâm, Trạm Khuyến nông các huyện xuống cơ sở chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại từ đầu vụ đến cuối vụ sản xuất vụ Xuân.

- Xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến đề án vụ Xuân đến tận người dân. Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở khoa học và thực tiễn để mở rộng sản xuất ở các năm sau.

***\* Trung tâm Giống cây trồng:***

- Triển khai các hoạt động khảo nghiệm, sản xuất thử, xây dựng mô hình giống; Đồng thời lựa chọn địa điểm để bố trí khảo nghiệm tập trung các giống lúa mới theo chỉ đạo của Sở về thời gian sinh trưởng, khả năng sinh trưởng, phát triển và cho năng suất của từng giống.

- Cử cán bộ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có giống mới được Sở Nông nghiệp và PTNT cho phép đưa vào khảo nghiệm, sản xuất thử, xây dựng mô hình giống trên địa bàn tỉnh Nghệ An để theo dõi, đánh giá chính xác về các đặc điểm của giống, cuối vụ có báo cáo đánh giá gửi về Sở, để Sở xem xét. Theo dõi, đánh giá kết quả sản xuất các giống đã được sản xuất đại trà để tham mưu cho Sở trong việc sử dụng giống, bổ sung giống mới vào sản xuất.

\* ***Các đơn vị khác thuộc Sở***: Cãn cứ chức nãng nhiệm vụ của mình ðề triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Xuân 2017.

***Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp*** *( Tổng Công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An, Công ty TNHH Việt Mỹ và các doanh nghiệp có chức năng kinh doanh giống cây trồng, Thuốc BVTV, phân bón, Ni lon,...trên địa bàn tỉnh):* Căn cứ vào Đề án, chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất và cung ứng đủ giống, phân bón, nilon đảm bảo chất lượng và thực hiện tốt các quy định về quản lý giống, phân bón, nilon, ... của Nhà nước để phục vụ sản xuất.

***3.12.2. Đối với UBND các huyện, thành, thị***

- Trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch và đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu, trình độ thâm canh,... của địa phương xây dựng và triển khai thực hiện Đề án sản xuất vụ Xuân 2017 cụ thể, sát với thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội, các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực để đảm bảo an toàn và hiệu quả cao.

- Chỉ đạo nông dân thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp sản xuất vụ Xuân 2017; Đặc biệt là phương án thủy lợi, phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phòng chống sâu bệnh hại; huy động tối đa nguồn lực, vật lực để tổ chức thực hiện đề án có hiệu quả tốt.

- Chỉ đạo mở rộng ứng dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như SRI, IMP, VietGAP, sản xuất theo cánh đồng lớn, ... để nâng cao giá trị sản xuất và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, từng bước xây dựng thương hiệu tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

- Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

+ Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng giống cây trồng, vật tư phân bón, thuốc BVTV,... để đảm tốt quyền lợi cho doanh nghiệp và người nông dân.

+ Tuyên truyền, chỉ đạo nông dân thực hiện nghiêm về cơ cấu giống và lịch thời vụ, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa, hạn chế việc gieo thẳng lúa Xuân.

+ Chọn đối tác đủ điều kiện theo quy định của nhà nước để cung ứng giống phục vụ sản xuất trên địa bàn. Phải thực hiện nghiêm việc buộc các doanh nghiệp cung ứng giống bảo hành chất lượng giống cho người sản xuất.

+ Quản lý, chỉ đạo các tổ chức cá nhân trong việc cung ứng giống cây trồng, vật tư phục vụ sản xuất trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật; Trên nguyên tắc tạo tính tự chủ, quy định rõ trách nhiệm.

+ Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất ngoài chính sách của Tỉnh.

- Định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (qua phòng Trồng trọt) vào sáng thứ 3 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các đại phương.

**IV. ĐỀ NGHỊ**

Vụ Xuân là vụ sản xuất quan trọng trong năm và cũng là vụ thường phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như: Rét đậm, rét hại, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng, ...Vì vậy để dành thắng lợi cho sản xuất vụ Xuân 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị:

1. Cấp ủy, chính quyền UBND các huyện tăng cường công tác chỉ đạo đôn đốc người dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đã được quy định tại Đề án để đảm bảo vụ Xuân đạt kết quả cao nhất; Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý, bổ cứu kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình sản xuất.

 2. Các ban ngành chức năng, các đơn vị chuyên môn, ... trên cơ sở nhiệm vụ được phân công tại đề án này chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt để góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2017.

3. Các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội: Căn cứ nhiệm vụ chính trị của tổ chức, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT để triển khai đề án sản xuất vụ Xuân 2017 xuống tận cơ sở. Động viên các cấp hội và hội viên thực hiện tốt các biện pháp, giải pháp kỹ thuật do ngành Nông nghiệp và PTNT đề ra. Quan tâm giúp nông dân thay đổi nhận thức sản xuất nông nghiệp từ sản xuất kinh nghiệm sang sản xuất đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất hàng hoá để tăng hiệu quả kinh tế/đơn vị diện tích.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên đặc biệt cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Xuân năm 2017; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu được tác hại của các đối tượng sâu, bệnh hại chính và các biện pháp phòng trừ. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất cây trồng nông nghiệp vụ Xuân 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Xuân năm 2017 đạt kết quả tốt nhất./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cục Trồng trọt (để báo cáo); - Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo); - Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);- Huyện, Thành, Thị uỷ (để chỉ đạo); - UBND các huyện, thành, thị (để thực hiện); - Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo); - Các cơ quan thông tin đại chúng (để đưa tin);- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);- Các phòng, ban, đơn vị của Sở NN&PTNT (để t/h);- Lưu VT, TT&BVTV. | **GIÁM ĐỐC** **Hoàng Nghĩa Hiếu** |

**Phụ lục 01: KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2016 SO VỚI VỤ XUÂN 2015**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Vụ Xuân 2015** | **Vụ Xuân 2016** | **So sánh vụ Xuân 2016 so với 2015 (%)** | **Kết quả vụ Xuân 2016 so với kế hoạch (theo đề án)** |
| **Tăn****g (+), giảm (-)** | **%** | **Tăng (+) giảm (-)** | **%** |
| *1. Cây lúa*:  |   |   |   |   |   |   |
| - Diện tích | 91.679,00 | 91.501,20 | -177,80 | 99,81 | 6.501,20 | 107,65 |
| - Năng suất | 62,14 | 65,69 | 3,55 | 105,71 | 0,04 | 100,06 |
| - Sản lư­ợng | 569.699,00 | 601.117,10 | 31.418,10 | 105,51 | 43.117,10 | 107,73 |
| *2. Cây ngô*:  |   |   |   |   |   |   |
|  - Diện tích | 17.650,00 | 18.112,80 | 462,80 | 102,62 | -1.887,20 | 90,56 |
| - Năng suất | 39,62 | 47,74 | 8,12 | 120,49 | 2,24 | 104,92 |
| - Sản l­ượng | 69.925,00 | 86.467,50 | 16.542,50 | 123,66 | 17,50 | 100,02 |
| *3. Cây lạc*:  |   |   |   |   |   |   |
|  - Diện tích | 13.828,00 | 13.442,50 | -385,50 | 97,21 | -1.557,50 | 89,62 |
| - Năng suất | 23,83 | 25,72 | 1,89 | 107,93 | 1,72 | 107,17 |
| - Sản l­ượng | 32.954,00 | 34.579,70 | 1.625,70 | 104,93 | -1.420,30 | 96,05 |
| *4. Rau các loại*: |   |   |   |   |   |   |
| - Diện tích | 10.792,00 | 11.371,50 | 579,50 | 105,37 | 1.371,50 | 113,72 |
| - Năng suất | 151,29 | 157,22 | 5,93 | 103,92 | 7,22 | 104,81 |
| - Sản lư­ợng | 163.266,00 | 178.787,80 | 15.521,80 | 109,51 | 28.787,80 | 119,19 |
| *5. Đậu các loại:* |   |   |   |   |   |   |
| -Diện tích | 837,00 | 869,90 | 32,90 | 103,93 | -1130,1 | 43,50 |
| - Năng suất | 10,54 | 10,76 | 0,22 | 102,09 | 2,76 | 134,50 |
| - Sản lư­ợng | 882,00 | 936,30 | 54,30 | 106,16 | -663,7 | 58,52 |

**Phụ lục 02: Danh sách các giống Lúa đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhậnchính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng vụ Xuân (ngày)** |  **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Lúa thuần** |
| **A** | **Giống có TGST từ 140 - 145 ngày** |
| 1 | AC5 | 140 - 145 | 55-60 | Gạo chất lượng, Nhiễm đạo ôn |
| 2 | BC 15 | 140 - 145 | 60-65 | Gạo chất lượng, Nhiễm đạo ôn, mẫn cảm thời tiết khi phân hóa đòng -trỗ |
| 3 | Nếp 97 | 135-140 | 55-60 | Lúa nếp |
| 4 | P6 | 135-140 | 65-70 |  |
| **B** | **Giống có TGST từ 130 – 135 ngày** |
| 5 | Nếp 87 | 130-135 | 55-60 | Lúa nếp |
| 6 | Nếp DT 52 | 128-132 | 60-65 | Lúa nếp |
| 7 | Bắc thơm 9 | 130-135 | 60-63 |  |
| 8 | Bắc thơm 7 | 130-135 | 50-55 | Gạo chất lượng  |
| 9 | HKT99 | 130-135 | 60-65 |  |
| 10 | Gia lộc 105 | 128-132 | 70-75 |  |
| 11 | Hương thơm 1 | 130-135 | 53-55 | Gạo chất lượng  |
| 12 | TBR225 | 128-133 | 70-75 | Năng suất cao, gạo chất lượng |
| 13 | Thuần Việt 1 | 130-135 | 60 - 65 |  |
| 14 |  SL9 | 125-130 | 60-65 | Gạo chất lượng, giống TBKT  |
| **C** | **Giống có TGST xung quanh 125 ngày** |
| 15 | Vật tư NA2 | 122-128 | 65-70 | Năng suất cao, gạo khá |
| 16 | Thiên ưu 8 | 125-130 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 17 | Hoa khôi 4 | 125-130 | 62-65 | Năng suất cao, gạo khá |
| 18 | DQ 11 | 125-130 | 60-65 | Gạo chất lượng |
| 19 | RVT | 125-128 | 54-58 | Gạo chất lượng  |
| 20 | QR1 | 125-128 | 55-60 | Gạo chất lượng  |
| 21 | VS 1 | 125-128 | 55-60 | Gạo chất lượng |
| 22 | GS 333 | 120-125 | 55-60 | Năng suất cao, gạo khá |
| 23 | DT 68 | 120-125 | 60-65 |  |
| 24 | Bio404 | 120-125 | 60-65 | Gạo chất lượng |
| 25 | KD đột biến | 125-130 | 60-65 |  |
| **II** | **Lúa lai** |
| **A** | **Giống có TGST từ trên 135 – 145 ngày** |
| 1 | BTE 1 | 140-145 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 2 | Thái Xuyên 111 | 135-140 | 70-75 | Năng suất cao, gạo chất lượng  |
| 3 | VT 404 | 135-138 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 4 | Hương ưu 98 | 135-138 | 70 – 75 |  |
| 5 | Khải Phong 1 | 135 – 138 | 70-75 | Năng suất cao |
| 6 | C.ưu đa hệ số 1 | 135 – 138 | 70-75 | Năng suất cao |
| **B** | **Giống có TGST từ 130 – 135 ngày** |
| 7 | GS 9 | 130 – 135 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 8 | 27P31 | 130 – 135 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 9 | Nhị ưu 986 | 130 – 135 | 70-75 | Năng suất cao |
| 10 | Thịnh Dụ 11 | 130 – 135 | 70-75 |  |
| 11 | D.ưu 6511 | 130 - 135 | 65-70 |  |
| 12 | N. Ưu 89 | 130 - 135 | 65-70 |  |
| 13  | Q. ưu 1 | 130-135 | 65 - 70 |  |
|  | Nhị ưu 838 | 130 - 135 | 65 - 70 |  |
| **C** | **Giống có TGST từ 120-130 ngày** |
| 14 | Thụy Hương 308 | 125 – 130 | 70-80 | Năng suất cao, gạo chất lượng |
| 15 | Syn 6 | 125 – 130 | 70-75 | Năng suất cao |
| 16 | Nhị ưu 86b | 125 – 130 | 70-75 |  |
| 17 | Hương ưu 3068 | 125 – 130 | 65-70 |  |
| 18 | Phúc ưu 868 | 125 – 130 | 70-72 | Năng suất cao |
| 19 | Kinh sở ưu 1588 | 125 – 130 | 70-75 | Năng suất cao, chất lượng khá |
| 20 | CNR 6206 | 125 – 130 | 70-75 | Năng suất cao, gạo chất lượng. |
| 21 | TH 3-3 | 120 – 125 | 65-70 |  |
| 22 | Kim ưu 18 | 120-125 | 60-65 |  |
| 23 | TH 3-5 | 123 – 125 | 60-65 |  |
| 24 | PHB 71 | 125 – 130 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 25 | Nghi Hương 305 | 125 – 130 | 65-70 | Năng suất cao,gạo chất lượng |
| 26 | Nghi hương 2308 | 125 – 130 | 60-65 | Gạo chất lượng  |
| 27 | Nam ưu 209 | 125 – 130 | 70-72 | Năng suất cao, gạo khá |
| 28 | TEJ vàng | 120 – 125 | 60 - 65 | Gạo chất lượng |
| 29 | LC270 | 120-123 | 60-65 |  |
| 30 | Bio 404 | 120-125 | 65-70 |  |
| 31 | Xuyên hương 178 | 120 - 125 | 70-75 | Năng suất cao, gạo khá |
| 32 | ZZD 001 | 125 - 130 | 70-75 | Năng suất cao |

**Phụ lục 03: Danh sách các giống Ngô đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức và đã đưa vào sản xuất trong vụ Xuân tại Nghệ An**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày)** | **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Nhóm trung ngày** |
| 1 | DK6818 | 100-105 | 50-55 |  |
| 2 | NK6654 | 105-110 | 55-60 |  |
| 3 | 30Y87 | 105-110 | 58-60 | Có sinh khối lớn |
| 4 | P4199 | 110-115 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 5 | NK66 | 100-105 | 55-60 |  |
| 6 | P4296 | 105 – 110 | 60-65 |  |
| 7 | CP888 | 100-105 | 50-55 |  |
| 8 | CP999 | 100-105 | 55-60 |  |
| 9 | VS36 | 105 – 110 | 55 -60 |  |
| 10 | NK4300 | 105-110 | 55-60 |  |
| 11 | NK4300 Bt/Gt | 105-110 | 55-60 |  |
| 12 | NK66 Bt/Gt | 105-110 | 55-60 |  |
| 13 | NK6326 | 105-110 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 14 | LVN 10 | 120-125 | 55-60 |  |
| 15 | DK9901 | 100-105 | 45-50 |  |
| 16 | DK9955 | 100-105 | 55-60 |  |
| 17 | CP 511 | 100-105 | 60-65 |  |
| 18 | B265 | 100-105 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 19 | B528 | 100-105 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 20 | PSC 102 | 105-110 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 21 | PSC 747 | 105-110 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 22 | CP 111 | 105-110 | 60-65 | Có sinh khối lớn |
| 23 | PAC669 | 110-115 | 60-65 |  |
| 24 | PAC558 | 110-115 | 60-65 |  |
| 25 | PAC999 Super | 110-115 | 60-65 |  |
| 26 | PAC339 | 110-115 | 60-65 |  |
| 27 | CP 501 | 110-115 | 60-65 |  |
| 28 | CP555 | 105-110 | 60-65 |  |
| 29 | HN 45 | 110-115 | 55-60 |  |
| 30 | SSC 131 | 108 -110 | 55-60 |  |
| 31 | CP 989 | 105-115 | 55-60 |  |
| 32 | CP3Q | 115-118 | 60-65 |  |
| 33 | GS9989 | 115-118 | 60-65 |  |
| 34 | CPA 88 | 110-115 | 60-65 |  |
| 35 | AVA3668 | 100-105 | 60-65 |  |
|  | **Nhóm ngắn ngày** |
| 36 | DK 6919 | 100-103 | 58-60 |  |
| 37 | LVN14 | 95-100 | 55-60 | Có sinh khối lớn |
| 38 | B.06 | 95-100 | 50-55 | Có sinh khối lớn |
| 39 | LVN61 | 95-100 | 55-58 |  |
| 40 | CP 333 | 95-100 | 55-60 |  |
| 41 | MX10 | 80-85 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 42 | HN68 | 65-70 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 43 | Ngô nếp VN2 | 95-100 | 55-58 | Thu hoạch ăn tươi |
| 44 | MX2 | 70-75 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 45 | MX4 | 70-75 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 46 | Max 68 | 70-75 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 47 | HN88 | 62-65 | 50-55 | Thu hoạch ăn tươi |
| 48 | Fancy 111 | 70-75 | 55-60 | Thu hoạch ăn tươi |
| 49 | Fancy 172 | 70-75 | 55-60 | Thu hoạch ăn tươi |
| 50 | Ngô nếp Bạch Long | 65-67 | 55-60 | Thu hoạch ăn tươi |
| 51 | SSC 2095 | 90-95 | 55-60 |  |

**Phụ lục 04: Danh sách các giống Lúa và Ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử**

ụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giống** | **Thời gian sinh trưởng Vụ Xuân (ngày)** | **Năng suất trung bình (tạ/ha)** | **Ghi chú** |
| **I** | **Lúa** |
| **Lúa thuần** |
| 1 | KN6 | 130-135 | 60-65 |   |
| 2 | S9368 | 130-135 | 60-65 |   |
| 3 | Kim Cương 111 | 125-130 | 75-78 |   |
| 4 | M1-NĐ | 125-130 | 60-65 |   |
| 5 | Lam Sơn 8 | 125-130 | 65-70 |   |
| 6 | NA 9 | 135 - 130 | 60-65 |  |
| 7 | NA6 | 125-130 | 60-65 |   |
| 8 | Bắc hương 9 | 125-130 | 60-65 |  |
| 9 | LH 12 | 120-125 | 60-65 | Gạo chất lượng,  |
| 10 | SV 181 | 120-125 | 70-75 | Gạo chất lượng,  |
| 11 | ADI 30 | 120-125 | 60-65 |   |
| 12 | ADI 168 | 120-125 | 60-65 |   |
| 13 | DT66 | 118-120 | 65-67 |   |
| 14 | HN6 | 118-120 | 60-65 |  |
| 15 | BT09 | 115-120 | 60-65 |   |
| 16 | AD1 | 110 - 115 | 58-60 |  |
| 17 | BoT1 | 125-130 | 60-65 | Gạo chất lượng,  |
| **Lúa lai** |
| 18 | ZZD 004 | 125 - 130 | 70-75 | Năng suất cao,  |
| **II** | **Ngô** |
| 1 | AVA559 | 105-110 | 55-60 |  |
| 2 | HT119 | 105-110 | 55-60 |  |
| 3 | NSC 87 | 110-115 | 55-60 |  |
| 4 | HN90 | 80-85 | 50-55 |  |
| 5 | HN66 | 65-70 | 50-55 |  |
| 6 | NK6410 | 105-110 | 55-60 |  |
| 7 | P4311 | 110 - 115 | 60-65 |  |
| 8 | CS71 | 108-110 | 60-65 |  |
| 9 | PAC837 | 105-110 | 60-65 |  |

|  |
| --- |
| **Phụ lục 05: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2017** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |
|  **TT**  |  **Toàn tỉnh**  | **Cây lúa** | **Cây ngô** | **Cây lạc** | **Rau các loại** | **Đậu các loại** |
|  **Tổng**  | **Lúa chất lượng** | **Ngô lấy hạt** | **Ngô làm thức ăn gia súc** |
|  |  |  **89.000,0**  |  **30.000,0**  |  **19.000,0**  |  **3.000,0**  |  **14.000,0**  |  **10.000,0**  |  **1.000,0**  |
|  1  |  Diễn Châu  |  9.200  | 3500 | 650 |   | 2700 | 660 |   |
|  2  |  Yên Thành  |  12.500  | 4000 | 800 | 200 | 400 | 1050 | 85 |
|  3  |  Quỳnh Lưu  |  7.500  | 3000 | 800 | 300 | 850 | 1450 | 70 |
|  4  |  TX Hoàng Mai  |  1.200  | 620 | 100 | 150 | 410 | 500 | 20 |
|  5  |  Nghi Lộc  |  7.500  | 4000 | 1800 | 100 | 2800 | 400 |   |
|  6  |  Nam Đàn  |  6.700  | 2500 | 1000 |   | 1500 | 1100 |   |
|  7  |  H/Nguyên  |  5.600  | 3000 | 300 |   | 500 | 500 |   |
|  8  |  Đô Lương  |  7.500  | 2500 | 750 |   | 1100 | 660 | 80 |
|  9  |  TP.Vinh  |  1.500  | 500 | 150 |   | 700 | 250 |   |
|  10  |  Cửa Lò  |  100  |   | 450 |   | 250 | 50 |   |
|  11  |  Th/Chương  |  8.100  | 600 | 1800 | 300 | 1150 | 450 |   |
|  12  |  Tân Kỳ  |  4.800  | 2000 | 1100 | 500 | 500 | 600 | 150 |
|  13  |  Nghĩa Đàn  |  3.400  | 2000 | 1400 | 600 | 150 | 450 | 250 |
|  14  |  Thái Hoà  |  750  | 280 | 150 | 150 | 20 | 200 | 20 |
|  15  |  Quỳ Hợp  |  2.500  | 200 | 300 | 350 | 150 | 500 |   |
|  16  |  Quỳ Châu  |  1.700  | 0 | 200 |   | 0 | 250 |   |
|  17  |  Quế Phong  | 2200 | 0 | 200 |   | 100 | 180 |   |
|  18  |  Anh Sơn  |  3.200  | 1000 | 2100 | 300 | 340 | 300 | 120 |
|  19  |  Con Cuông  |  2.150  | 300 | 700 |   | 110 | 250 |   |
|  20  |  T/Dương  |  650  |   | 750 | 50 | 20 | 200 | 5 |
|  21  |  Kỳ Sơn  |  250  |   | 3500 |   | 250 |   | 200 |